

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/HS-PT
Ngày 19-11-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh
Ông Mai Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2021/TLPT- HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 27-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Bị cáo có kháng cáo:

Hoàng Văn T; sinh năm: 1974; nơi đăng ký HKTT: Xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Xóm 4, xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Hoàng Đình Đ (đã chết); con bà: Nguyễn Thị R (đã chết); gia đình có 9 anh chị em bị cáo là thứ 8; vợ: Nguyễn Thị M; sinh năm: 1976; có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10-5-2021. Ngày 24-5-2021 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

Nguyễn Thị M; sinh năm 1976; nơi đăng ký HKTT: Xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Xóm 4, xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị hại: Ông Nguyễn Trung T1; sinh năm 1969 và bà Vũ Thị K; sinh năm 1967; đều cư trú tại: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Thế D; sinh năm 1968;
2. Bà Lê Thị Thanh H; sinh năm 1986;

Đều cư trú: số 227, đường Đ, phường C, TP. N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H; sinh năm 1976.
2. Anh Vũ Đình K, sinh năm 1990.
3. Ông Vũ Văn T, sinh năm 1967.

Đều cư trú: Xóm 4, xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

4. Anh Tạ Thanh Đ; sinh năm 1980; cư trú: Xóm 5, xã T1, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

5. Anh Trần Đức T1; sinh năm 1994; cư trú: Tổ 2, phường L, TP. N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị B1; sinh năm 1985; cư trú: Thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

7. Anh Trần Quốc T; sinh năm 1979; cư trú: Xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

8. Ông Hoàng Thế L; sinh năm 1960; cư trú: Số 28, Bùi Xuân Mẫn, khu tái định cư P, phường M, TP Nam Định, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

9. Chị Phạm Thị Thu M; sinh năm 1985; cư trú: Đường bệnh viện, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19-10-2018, Hoàng Văn T và vợ là Nguyễn Thị M thế chấp thửa đất số 2836, tờ bản đồ số 3, địa chỉ: Đường 53b xã Trục Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 689456 cấp ngày 22-7-2014 do T và M đứng tên chủ sử dụng đất để làm hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định số tiền 800 triệu đồng, theo hợp đồng thế chấp số TC1568247 ngày 04-11-2015. Tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây 2 tầng. Ngôi nhà hai tầng gia đình T, M khóa cửa, không sử dụng để ở, gia đình T, M ở căn nhà cùng xóm 4 xã Trục Nội cách ngôi nhà trên khoảng 100m.

Tháng 9-2019 đến hạn thanh toán hợp đồng với Ngân hàng, do khó khăn tài chính nên T, M vay của vợ chồng anh Trần Thế D, chị Lê Thị Thanh H1 số tiền 800.000.000đ để kết thúc hợp đồng với Ngân hàng (chị H1 chuyển khoản số tiền trên cho T, không viết giấy vay nợ). Ngày 20-9-2019, T cùng anh D đến Chi nhánh Ngân hàng TMCP Công thương thành phố Nam Định để kết thúc hợp

đồng và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Vài ngày sau đó, T đến nhà anh D tiếp tục vay thêm của anh D, chị H1 số tiền 200.000.000đ và viết giấy vay nợ tổng số tiền vay là 1.000.000.000đ. Ngày 13-5-2020 T và M thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất, tài sản gắn liền trên đất trên cho vợ chồng anh D, chị H1. T viết giấy bán nhà cho vợ chồng anh D, chị H1 với số tiền 1.430.000.000đ và bàn giao ngôi nhà cho vợ chồng anh D, chị H1. Tài sản trong nhà đã được gia đình T, M dọn đi trước đó chỉ còn để lại bàn thờ gia tiên và một số đồ đạc cá nhân.

Ngày 08-6-2020 T và vợ chồng anh D đến gặp anh Trần Đức T1 là cán bộ ngân hàng TMCP Công thương, Chi nhánh Nam Định theo dõi hồ sơ vay của Hoàng Văn T để làm thủ tục đổi “Phiếu yêu cầu xóa đăng ký” sau đó đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trực Ninh xóa thế chấp ngân hàng đối với giấy CNQSDĐ trên. Sau đó, T đón M rồi hai bên tiếp tục đến phòng công chứng Hoàng Anh ở thành phố Nam Định làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ theo quy định, rồi T và M về nhà, còn anh D và chị H1 đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trực Ninh làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và được xác nhận chuyển nhượng, ghi thông tin thay đổi QSDĐ, không cấp GCN mới.

Do không có nhu cầu sử dụng, nên đầu tháng 8-2020, anh D và chị H1 treo biển bán nhà, kèm theo số Đ thoại liên hệ của chị H1 ở phía trước cửa nhà. Đến giữa tháng 8-2020, anh D và chị H1 xuống nhờ T thuê thợ sửa lại mái tôn trước cửa nhà. T nhờ anh Tạ Thanh Đ (là thợ cơ khí) làm lán tôn. Chị H1 nhờ anh Đ mua ổ khóa khác về thay vào ổ khóa cửa ra vào cũ của căn nhà. Anh Đ gọi điện thoại cho T nói: “Chị H1 muốn thay khóa ở cửa chính”, T nói: “Kệ họ đi”. Anh Đ đã thay ổ khóa mới cửa ra vào ngôi nhà và thanh toán chi phí sửa lán tôn, thay khóa với chị H1. Chị H1 khóa cửa ngôi nhà để quản lý.

Vợ chồng chị Vũ Thị K, anh Nguyễn Trung T1 có mối quan hệ họ hàng, gọi T và M bằng cô, chú và biết ngôi nhà trên trước đây là nhà của vợ chồng T, M. Cuối tháng 8-2020, do có nhu cầu mua nhà ở, chị K thấy ngôi nhà có treo biển bán, đã liên hệ với chị H1 qua số điện thoại ghi trên biển bán nhà để đặt vấn đề mua nhà. Thông qua chị H1, chị K được biết ngôi nhà đã được vợ chồng anh D, chị H1 mua lại của vợ chồng T, M. Ngày 08-10-2020, vợ chồng anh D, chị H1 đã thỏa thuận bán ngôi nhà cho chị K, anh T1 với giá 1.550.000.000đ và làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho chị K. Ngày 12-10-2020 chị K được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CO 776500. Ngày 18-10-2020 chị K chuyển một số đồ đạc sinh hoạt gồm 01 ấm Đ, 01 thùng gạo, xoong nồi bát đĩa... đến ngôi nhà trên, dự định đến ngày 26-10-2020, gia đình chị K sẽ chuyển đến sinh sống.

Ngày 22-10-2020 T và M nghe thông tin chị K, anh T1 mua lại ngôi nhà của vợ chồng anh D, chị H1, buổi chiều cùng ngày M sang gặp chị K nói: “Mày mua nhà từ vợ chồng D H1 rồi à”, chị K nói: “Vâng, cháu mua rồi”. M nói: “Sao mày mua mà mày không báo ông bà, nhà đây ông bà chưa bán cho ai, mày trót mua rồi thì rút tiền về”. Chị K nói: “Sổ bìa đỏ đứng tên D H1, cháu mua của người có sổ, sang tên bìa đỏ xong rồi” thì M đi về.

Ngày 23-10-2020 T gửi đơn đến CQĐT tố cáo vợ chồng anh D, chị H1 có hành vi giả mạo chữ ký của gia đình anh T trong phần đăng kí xóa thế chấp và lập không hợp đồng chuyển nhượng để chiếm đoạt quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với thửa đất trên; tố cáo cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trục Ninh có hành vi cấu kết với vợ chồng anh D, chị H1 để sang tên QSDĐ thửa đất trên sai quy định.

Khoảng 10 giờ ngày 25-10-2020, anh Nguyễn Văn H (là em trai anh T1) dùng xe kéo chở chiếc giường ngủ bằng gỗ từ ngôi nhà cũ của chị K, anh T1 đem ra kê ở nhà mua lại nêu trên giúp chị K. Khi anh H đang khiêng giường vào nhà thì T đi đến gặp anh H nói: “Chúng mày chuyển cái gì đây”. Anh H nói: “Chị K nhờ cháu kê cho cái giường ngủ”. T nói: “Nhà này tao chưa bán, đừng vội kê vào”. Anh H nói: “Cháu không biết, cháu được chị K bảo kê giường vào nhà, nhà này chị K mua rồi, đã sang tên xong xuôi” và tiếp tục chuyển giường vào nhà, còn T đi về.

Buổi chiều cùng ngày, M đi phụ xe khách về thấy gia đình chị K đã chuyển đồ vào trong nhà, M điện thoại nói cho T biết. T nói với M đem bỏ hết đồ đạc chị K đem đến ra ngoài. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị K khóa cửa nhà đi đón con, lúc này ngôi nhà không có ai. M cầm theo 02 chiếc khóa dây đi sang mục đích khóa cửa ngôi nhà lại, không cho chị K hay người Kc vào nhà. M biết cửa sau ngôi nhà bị hỏng khóa nên trèo qua tường bao phía sau rồi đi vào từ cửa sau ngôi nhà. Sau đó, M mở cửa đại hội từ phía trong nhà, rồi bê đồ đạc của chị K để ra ngoài cửa. Khi M đang chuyển đồ thì T đến, đi luôn lên tầng 2 ngôi nhà kiểm tra ban thờ gia tiên còn gửi lại thấy vẫn còn nguyên vẹn. Ngay lúc này, có chị Nguyễn Thị B1 và anh Trần Quốc T (là bạn của vợ chồng T) đi đến. Thấy M đang kéo chiếc giường từ trong nhà ra ngoài, anh T cùng M khiêng chiếc giường để ra ngoài đường trước cửa nhà, chị B1 cũng cầm xô, chậu của chị K trong nhà để ra trước cửa nhà. T từ tầng 2 đi xuống thấy có 02 chiếc khóa dây của nhà mình để trên nền nhà do M mang đến. T bảo M khóa cửa sau, còn T cầm 01 chiếc khóa dây dùng khóa đập vỡ 02 ô kính trên cánh cửa ra vào trước nhà để khóa cửa lại, mục đích không để cho chị K vào sử dụng ngôi nhà. Sau đó T, M cùng chị B1 và anh T đi ăn giỗ ở huyện Giao Thủy.

Sáng ngày 26-10-2020, Công an xã Trục Nội đến yêu cầu T, M bàn giao lại ngôi nhà cho gia đình chị K. Nhưng T và M không chấp hành. M dùng 01 đoạn dây xích bằng sắt và 01 ổ khóa đem đến khóa thêm vào cửa ra vào phía trước ngôi nhà.

Ngày 11-3-2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Trục Ninh kết thúc việc giải quyết tin tố giác về tội phạm và ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác của Hoàng Văn T và nhiều lần yêu cầu T, M chấm dứt việc chiếm giữ ngôi nhà bàn giao ngôi nhà lại cho gia đình chị Vũ Thị K để sử dụng. Nhưng T và M không chấp hành. Đến ngày 27-5-2021 M đã tự nguyện chuyển đồ đạc của gia đình M trong ngôi nhà của chị K ra ngoài, sau đó bàn giao lại ngôi nhà cho chị K. Quá trình bàn giao nhà M đã làm mất 02 chiếc khóa dây, 01

dây xích sắt, 01 ổ khóa mà T và M sử dụng để khóa cửa chiếm giữ ngôi nhà, nên Cơ quan CSĐT không thu giữ được để xử lý theo quy định.

Bản kết luận định giá số 06/KLDG ngày 09-2-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trục Ninh xác định giá trị 02 ô kính trên cửa đại hội bị T đập vỡ vào ngày 25-10-2020 là 45.000đ.

Chị Nguyễn Thị B1 và anh Trần Quốc T có hành vi giúp T và M chuyển đồ đạc, tài sản của chị K trong nhà ra ngoài vào ngày 25-10-2020, nhưng chị B1 và anh T không biết việc T, M đã bán nhà cho người Kc và có ý T1 chiếm giữ ngôi nhà nên không phạm tội.

* Về số tiền vợ chồng T, M vay của vợ chồng anh D, chị H1 sau đó phát sinh việc giao dịch chuyển nhượng mảnh đất:

CQĐT đã tiến hành xác minh làm rõ: Ngày 13-5-2020, T và M thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất, tài sản gắn liền trên đất trên cho vợ chồng anh D, chị H1; viết giấy biên nhận bán ngôi nhà cho vợ chồng anh D, chị H1 với số tiền 1.430.000.000đ. Anh D, chị H1 đã thanh toán cho T, M số tiền 1.430.000đồng, nhận bàn giao ngôi nhà và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Nội dung T, M khai không bán ngôi nhà cho vợ chồng anh D, chị H1 và còn nợ anh D, chị H1 1.430.000.000đồng không có căn cứ.

Ngoài ra T, M khai: Từ tháng 9-2019 có vay của vợ chồng anh D chị H1 tổng số tiền 01 tỷ đồng và thỏa thuận lãi suất là 60 triệu đồng/01 tỷ/01 tháng, tương đương 72%/01 năm; đến tháng 5-2020, anh D yêu cầu T, M chốt số tiền vay cả gốc và lãi tổng là 1.420.000.000đồng. Số tiền lãi suất là 420.000.000đồng. T, M không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh.

Theo anh D, chị H1 khai: Tháng 9-2019, T vay của D, H1 800 triệu để thanh lý hợp đồng vay ngân hàng. Sau khi vay tiền thì 2-3 ngày sau đó T đã đem trả đủ cho anh D số tiền 800 triệu đồng. Việc vay nợ không tính lãi suất. Do vậy không có đủ cơ sở để kết luận nội dung này để xử lý.

Quá trình đột nhập chiếm giữ ngôi nhà của gia đình chị Vũ Thị K. Bị cáo T đã đập vỡ 02 ô kính cửa ra vào nhà chị K trị giá 45.000đồng. Gia đình chị K đã tự sửa chữa thay mới để sử dụng, chị K, anh T1 không yêu cầu T bồi thường thiệt hại về tấm kính, cũng không có yêu cầu bồi thường gì khác trong thời gian bị chiếm giữ ngôi nhà. Công an huyện Trục Ninh đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại điểm a, khoản 2, điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST ngày 27-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã quyết định.

T bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”. Căn cứ khoản 1 Điều 158, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 BLHS. Xử phạt Hoàng Văn T 12(mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày, bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 24-5-2021.

Ngoài ra, bản án còn T phạt bị cáo Nguyễn Thị M 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Tuyên án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 06-9-2021 bị cáo Hoàng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội xâm phạm chỗ ở của người khác là đúng người, đúng tội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do gia đình bị cáo có công với cách mạng và có công trong việc xây dựng nông thôn mới, đề bị cáo sớm được trở về với gia đình, hòa nhập với cộng đồng, là người có ích cho xã hội.

Bà Vũ Thị K và ông Nguyễn Trung T1 trình bày: Ông bà đã nhận chuyển nhượng nhà và đất thửa số 2836 tờ bản đồ số 3 tại xã Trục Nội huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định của vợ chồng anh Trần Thế D và bà Lê Thị Thanh H1 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông bà đã chuyển một số đồ đạc đến ở nhưng bị chuyển ra ngoài, T và M đã chiếm giữ nhà của ông bà đến ngày 27-5-2021 ông bà mới nhận lại và hiện nay gia đình ông bà đang quản lý ngôi nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định kết luận vụ án: Cấp sơ thẩm xử bị cáo Hoàng Văn T về tội “Xâm phạm chỗ ở của người Kc” theo khoản 1 Điều 158 BLHS là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã chiếm giữ ngôi nhà của vợ chồng bà K từ ngày 25 tháng 10 năm 2020 đến ngày 27 tháng 5 năm 2021 mới bàn giao cho bị hại, cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ấn định mức hình phạt 12 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa bị cáo trình bày lý do xin giảm nhẹ hình phạt không được chấp nhận. Án phí hình sự phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T: Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo M. Căn cứ vào lời khai bị hại tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của những người làm chứng và những tài liệu chứng cứ khác thu thập lưu hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/10/2020 Hoàng Văn T đã có hành vi khởi xướng việc chuyển đồ đạc, tài sản của vợ chồng bà Vũ Thị K và ông Nguyễn Văn T1 ra khỏi ngôi nhà thuộc quyền sở hữu của vợ chồng chị K có địa chỉ tại xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định và khóa cửa ngôi nhà nhằm

chiếm giữ không cho vợ chồng bà K vào nhà của mình. Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo khoản 1 Điều 158 BLHS như cấp sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội.

[3] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, cấp sơ thẩm xếp bị cáo T giữ vai trò đầu trong vụ án và đã xem xét đến tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo T 12 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đưa ra các tình tiết giảm nhẹ là gia đình bị cáo có công với cách mạng và có công trong việc xây dựng nông thôn mới, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo không chấp nhận.

[4] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. T bỏ bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “ Xâm phạm chỗ ở của người khác”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 158, điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 BLHS. Xử phạt Hoàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-5-2021.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo T phải nộp là 200.000đ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Trực Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Thị Thu
(Đã ký)**